

Số: 301/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 8793/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng số 01/BC-BXD ngày 14 tháng 01 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ “Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040” với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040.

2. Phạm vi, ranh giới: Quy hoạch Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích 20.776,47 ha, bao gồm 3 khu vực:

a) Khu vực 1: Quy mô diện tích khoảng 18.826,47 ha, gồm 10 xã thuộc huyện Nghi Lộc (Nghi Hợp, Nghi Xá, Nghi Long, Nghi Đông, Nghi Thuận, Nghi Hưng, Nghi Quang, Nghi Thiết, Nghi Tiến, Nghi Yên); 06 xã thuộc huyện Diễn Châu (Diễn Trung, Diễn Thịnh, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Lộc, Diễn Phú) và 02 phường thuộc thị xã Cửa Lò (Nghi Thủy, Nghi Tân). Ranh giới khu vực 1 xác định:



- Phía Bắc giáp các xã: Diễn Thành, Diễn Tân, Diễn Cát thuộc huyện Diên Châu;

- Phía Nam giáp các xã: Nghi Trung, Nghi Thịnh, Nghi Khánh, Nghi Thu thuộc huyện Nghi Lộc;

- Phía Đông giáp biển Đông;

- Phía Tây giáp xã Diễn Lợi thuộc huyện Diên Châu và các xã: Nghi Văn, Nghi Lâm, Nghi Phương, Nghi Hoa thuộc huyện Nghi Lộc.

b) Khu vực 2: Quy mô diện tích khoảng 1.200 ha, gồm toàn bộ diện tích các Khu công nghiệp Hoàng Mai và Khu công nghiệp Đông Hội, thuộc thị xã Hoàng Mai (theo Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An”). Trong đó: Khu công nghiệp Hoàng Mai có diện tích 600 ha, khu công nghiệp Đông Hội có diện tích 600 ha.

Ranh giới khu vực 2 được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch.

c) Khu vực 3: Quy mô diện tích khoảng 750 ha, gồm toàn bộ diện tích Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An, thuộc thị trấn Hưng Nguyên, xã Hưng Đạo, xã Hưng Tây (huyện Hưng Nguyên); xã Hưng Chính (thành phố Vinh). Ranh giới khu vực 3 được xác định:

- Phía Bắc giáp quốc lộ 46B;

- Phía Nam giáp quốc lộ 46A;

- Phía Đông giáp đường Nguyễn Văn Bé xã Hưng Tây (nối quốc lộ 46A và quốc lộ 46B);

- Phía Tây giáp Đường quốc lộ 1A.

3. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển biển Việt Nam và chiến lược phát triển tỉnh Nghệ An;

- Phát triển Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thành khu vực phát triển kinh tế năng động, bền vững; là trung tâm phát triển du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp, cảng và trung tâm logistics; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thành khu vực kinh tế động lực của vùng duyên hải Bắc Trung Bộ và tỉnh Nghệ An; có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;



- Làm cơ sở pháp lý để triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong khu chức năng đặc thù.

4. Tính chất chức năng:

- Là Khu kinh tế trọng điểm, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp cơ bản gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Cửa Lò; khu vực Hoàng Mai - Đông Hội phát triển các ngành công nghiệp có tính chất động lực gắn liền với cảng biển Đông Hội; khu vực Vsip phát triển công nghiệp kết hợp dịch vụ hỗn hợp, trọng tâm phát triển các loại hình công nghiệp nhẹ và các ngành công nghiệp phụ trợ khác;

- Là trung tâm kinh tế giao thương quốc tế của vùng Bắc Trung Bộ, cửa ngõ quan trọng của vùng Trung, Thượng Lào, Đông Bắc Thái Lan vào miền Trung và Việt Nam;

- Là cực tăng trưởng đối trọng, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai, thị xã Cửa Lò và vùng phụ cận;

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

5. Sơ bộ dự báo về quy mô dân số và đất đai xây dựng:

a) Quy mô dân số:

- Hiện trạng (2018): dân số (đã gồm quy đổi) khoảng 148.000 người;

- Dự kiến đến năm 2030: dân số đạt khoảng 160 - 180 nghìn người;

- Dự kiến đến năm 2040: dân số đạt khoảng 200 - 250 nghìn người.

b) Quy mô đất đai xây dựng:

- Đất xây dựng công nghiệp đến 2030 khoảng 2.000 - 2.500 ha; đất xây dựng đô thị đến 2030 khoảng 1.500 - 2.000 ha;

- Đất xây dựng công nghiệp đến 2040 khoảng 4.500 - 5.500 ha; đất xây dựng đô thị đến 2040 khoảng 2.500 - 3.000 ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng:

Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật áp dụng theo yêu cầu của quy chuẩn quy hoạch xây dựng hiện hành đối với đô thị loại I cho khu vực phát triển đô thị và quy chuẩn hiện hành đối với khu công nghiệp tập trung.

7. Nội dung và yêu cầu nghiên cứu quy hoạch:

Thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 cần đảm bảo thực hiện các yêu cầu cụ thể như sau:

a) Những yêu cầu trọng tâm cần nghiên cứu giải quyết:

- Bổ sung, điều chỉnh ranh giới lập quy hoạch: Điều chỉnh ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bổ sung, điều chỉnh tính chất chức năng của khu quy hoạch: Điều chỉnh tính chất chức năng và cấu trúc không gian khu kinh tế để phù hợp tình hình phát triển mới, những thay đổi mang tính đột phá để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến 2020; Thông báo số 55-TB/TW ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Bộ Chính trị về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến 2020...;

- Xác định động lực, tiềm năng lợi thế mới: Xác định vai trò, động lực Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An trong vùng duyên hải Bắc Trung Bộ, vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và vùng Nam Nghệ - Bắc Hà. Tác động qua lại của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An với thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, các tuyến giao thông đường bộ: quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc, đường quốc lộ ven biển; cảng hàng không quốc tế Vinh; cảng biển Nghệ An; các cửa khẩu: Thanh Thủy, Nậm Cắn, Thông Thụ...;

- Rà soát tổng thể về nội dung Quy hoạch chung được phê duyệt năm 2008 và tình hình thực tiễn phát triển tại Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An. Từ đó xác định lại các phân khu chức năng của Khu kinh tế trên cơ sở điều chỉnh phù hợp với xu thế phát triển mới;

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

- Đánh giá và nghiên cứu về vấn đề bảo vệ môi trường: Đề xuất giải pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường du lịch biển Cửa Lò; rà soát, đánh giá và lồng ghép quy hoạch ngành với kế hoạch bảo vệ môi trường; đề xuất các giải pháp lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong quy hoạch xây dựng Khu kinh tế, tăng cường khả năng thích ứng và năng lực giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu;

- Đánh giá và nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách và nguồn lực thực hiện.

b) Các yêu cầu cụ thể:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

+ Đánh giá điều kiện tự nhiên: Tổng quan các đặc điểm môi trường tự nhiên về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy hải văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn, thiên tai, cảnh quan sinh thái, rừng phòng hộ ven biển; đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới khu vực xây dựng và phát triển; xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển trong khu chức năng đặc thù;

+ Đánh giá kinh tế - xã hội: Đánh giá tình hình thu hút đầu tư, các chỉ số phát triển Khu kinh tế; mức độ phát triển của các ngành kinh tế chủ lực của Khu kinh tế; phân tích mô hình, không gian hoạt động và nhu cầu không gian để phát triển cho các ngành kinh tế, các lĩnh vực sản xuất, cùng các không gian liên quan;

+ Đánh giá dân số, lao động, văn hóa: Thống kê dân số, lao động, cơ cấu nghề nghiệp, tỷ lệ dân số, lao động; phân bố dân cư, thu nhập, các hiện tượng dịch cư, các vấn đề do đô thị hóa; tình trạng tăng giảm lực lượng sản xuất về chất và lượng, khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; phân tích các yếu tố và đặc điểm nổi bật của văn hóa bản địa, di tích văn hóa lịch sử có giá trị, chỉ ra khả năng bảo tồn các giá trị đặc hữu;

+ Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và cơ sở hạ tầng xã hội: Thống kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá về hiện trạng sử dụng đất đai; xác định các vùng bảo vệ cảnh quan, môi trường, di tích lịch sử, hành lang kỹ thuật quốc gia, vùng khoáng sản; nhận diện các vấn đề tồn tại về khai thác, sử dụng đất; lựa chọn quỹ đất phát triển Khu kinh tế; phân tích đánh giá vấn đề nhà ở và hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội; kiến trúc cảnh quan;

+ Đánh giá cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Đánh giá điều tra hiện trạng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bao gồm các lĩnh vực: Giao thông; san nền và thoát nước mưa; cấp nước; cấp điện, chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc; thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang; bảo vệ môi trường. Xác định vị trí và quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối; đánh giá lồng ghép các quy hoạch ngành có liên quan đến Khu kinh tế;

+ Đánh giá hiện trạng môi trường và những yếu tố đặc thù khu vực: Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xác định phạm vi cho đánh giá hiện trạng môi trường; phân tích hiện trạng và diễn biến môi trường và những yếu tố đặc thù khu vực;

+ Đánh giá tình hình triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An được phê duyệt năm 2008; Khu công nghiệp Hoàng Mai, Khu công nghiệp Đông Hội và Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP; các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan;

+ Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các vấn đề cần giải quyết, những nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và các thế mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

- Phân tích, đánh giá vai trò, vị thế, tiềm năng và động lực phát triển:

+ Phân tích các lợi thế và hạn chế về vị trí địa lý. Phân tích bối cảnh quốc tế, bối cảnh trong nước, bối cảnh vùng, ảnh hưởng tới phát triển Khu kinh tế;

+ Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa khu quy hoạch và vùng có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, các vùng có ảnh hưởng lớn đến không gian, kiến trúc cảnh quan khu kinh tế; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến sự phát triển của Khu kinh tế.

+ Trên cơ sở phân tích vị trí, mối liên hệ vùng, điều kiện tự nhiên của Khu kinh tế; tác động qua lại của Khu kinh tế với vùng duyên hải Bắc Trung Bộ, vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ, vùng Nam Nghệ - Bắc Hà và thành phố Vinh, xác định mục tiêu, động lực phát triển của Khu kinh tế.

- Dự báo về dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn:

Dự báo phát triển về kinh tế - xã hội, dân số, lao động và đất đai. Dự báo sự thay đổi của môi trường tự nhiên do sự tác động của đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Dự báo nhu cầu sử dụng đất, quy mô các khu chức năng của Khu kinh tế theo từng giai đoạn; dự báo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho khu vực.

- Định hướng phát triển không gian:

+ Trên cơ sở phân tích hiện trạng, xác định mô hình phát triển, hướng phát triển, nguyên tắc phát triển, đưa ra các cơ cấu phát triển Khu kinh tế, xem xét các tiêu chí, lựa chọn phương án;

+ Xác định cấu trúc phát triển không gian Khu kinh tế theo các khu vực chức năng; xác định các khu vực cần can thiệp kiểm soát phát triển như: Khu vực bảo tồn tôn tạo, cải tạo chỉnh trang, khu vực phát triển mới, các khu vực kiến trúc cảnh quan khác cần được bảo vệ;

+ Định hướng phát triển không gian toàn khu: Xác định vị trí, quy mô, tính chất, chức năng các khu vực của Khu kinh tế; nguyên tắc phát triển, ngưỡng phát triển về quy mô dân số, đất đai của từng khu vực nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng và điều kiện sống, bảo tồn được không gian, kiến trúc, cảnh quan đặc thù trong khu kinh tế;

+ Đề xuất phân bố hệ thống trung tâm Khu kinh tế: Khu, cụm công nghiệp; dịch vụ hậu cần cảng; trung tâm dịch vụ - thương mại; hệ thống khu, cụm, điểm du lịch; các khu trung tâm hành chính tập trung; mạng lưới trung tâm y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể dục thể thao; nhà ở; không gian xanh và các trung tâm chuyên ngành khác, đảm bảo phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển. Tổ chức không gian hệ thống trung tâm phù hợp với yêu cầu phát triển mới.

- Quy hoạch sử dụng đất đai:

+ Xác định các khu vực theo cấu trúc không gian và chức năng sử dụng đất;

+ Xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong các khu chức năng theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn 2030 và 2040;

+ Xác định khoanh vùng bảo vệ các khu vực bảo tồn, các công trình quốc phòng, khu quân sự, vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động; quy định tầng cao xây dựng tối đa và tối thiểu với các khu vực không gian chính của Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Khu nghiên cứu, đào tạo...

- Định hướng kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan trong Khu kinh tế; đề xuất tổ chức không gian các trục, không gian khu vực trọng tâm và các khu chức năng hỗ trợ (khu trung tâm, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các khu vực, công trình điểm nhấn,...). Tạo dựng và nhấn mạnh các nét đặc trưng của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; khai thác tối đa yếu tố tự nhiên, địa hình, không gian biển.

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

+ Phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng;

+ Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội; vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật (nếu có);

+ Tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nước, năng lượng (điện, khí đốt); dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, thoát nước và công trình xử lý nước thải;

+ Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Đánh giá môi trường chiến lược:
 - + Xác định các vấn đề môi trường chính, những bất cập trong và ngoài khu vực lập quy hoạch;
 - + Hiện trạng các nguồn ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường;
 - + Dự báo diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù;
 - + Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường.
- Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch 2030 và 2040; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Ranh giới, phạm vi, tính chất khu chức năng đặc thù; chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng phân khu chức năng; quy định về kiểm soát không gian, kiến trúc từng khu vực; chỉ giới đường đỏ của các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế từng khu vực; vị trí, quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm; khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan; yêu cầu, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

8. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

9. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng;
- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch; lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện; phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, thẩm định, trình duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;
- VPCP: BTCN các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, NN, PL, KGVX, QHQP, KTTN;
- Lưu: VT, CN (2). Tuần 10

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng